

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590291	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	15/04/2008	C5	P01							9.300
2	590340	Đặng Tiến Minh	17/12/2008	C4	P01							9.217
3	590114	Nguyễn Minh Dũng	28/04/2008	C5	P01							9.175
4	590409	Bùi Đình Thiện Nhân	11/12/2008	C1	P01							9.170
5	590218	Cao Ngô Mạnh Hùng	21/08/2008	C5	P01							9.167
6	590338	Bùi Nhật Minh	06/10/2008	C4	P01							9.167
7	590372	Nguyễn Duy Nam	18/09/2008	C1	P01							9.167
8	590256	Nguyễn Anh Khoa	18/07/2008	C5	P01							9.163
9	590220	Phùng Thế Hùng	27/02/2008	C3	P01							9.117
10	590569	Hoàng Hồng Vân	07/12/2008	C1	P01							9.112
11	590181	Bùi Thị Thanh Hiền	19/09/2008	C1	P01							9.105
12	590107	Dương Ngọc Dung	31/05/2008	C5	P01							9.050
13	590560	Hoàng Minh Tuấn	10/09/2008	C5	P01							9.042
14	590451	Nguyễn Thảo Phương	15/08/2008	C1	P01							9.018
15	590348	Nguyễn Thị Thanh Minh	11/01/2008	C1	P01							8.958
16	590235	Trần Thu Huyền	18/04/2008	C5	P01							8.947
17	590331	Nguyễn Ngọc Mai	26/11/2008	C1	P01							8.947
18	590549	Phạm Nguyễn Bảo Trâm	23/01/2008	C4	P01							8.900
19	590287	Lê Thùy Linh	04/01/2008	C5	P01							8.857
20	590242	Nguyễn Mai Hương	18/09/2008	C5	P01							8.848
21	590558	Phạm Đình Tú	13/01/2008	C4	P01							8.833
22	590168	Bùi Quang Hải	15/12/2008	C4	P01							8.817
23	590266	Phạm Trung Kiên	01/07/2008	C1	P01							8.797
24	590509	Nguyễn Đức Thắng	16/07/2008	C3	P01							8.792

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ 1

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

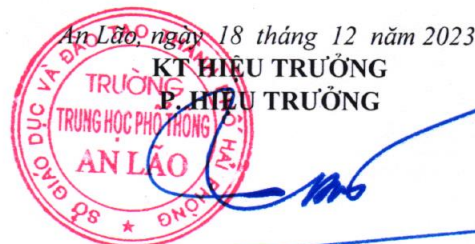
STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590135	Vũ Thùy Dương	09/06/2008	C4	P02							8.770
2	590500	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/09/2008	C3	P02							8.758
3	590159	Lê Đoàn Thu Hà	27/01/2008	C5	P02							8.738
4	590525	Nguyễn Vũ Minh Thư	10/12/2008	C2	P02							8.697
5	590200	Dương Thị Đào Hoa	02/03/2008	C6	P02							8.642
6	590030	Lưu Quỳnh Anh	02/02/2008	C4	P02							8.593
7	590162	Lưu Ngọc Hà	03/05/2008	C8	P02							8.583
8	590223	Hoàng Huy	03/10/2008	C5	P02							8.583
9	590530	Đặng Huyền Trang	18/07/2008	C4	P02							8.582
10	590294	Nguyễn Ngọc Linh	14/04/2008	C4	P02							8.563
11	590272	Dương Ngọc Lan	02/07/2008	C5	P02							8.542
12	590013	Bùi Thị Vân Anh	10/01/2008	C1	P02							8.530
13	590501	Nguyễn Thị Thanh Thảo	25/01/2008	C3	P02							8.522
14	590321	Vũ Cẩm Ly	06/01/2008	C5	P02							8.518
15	590359	Vũ Nhật Minh	28/10/2008	C5	P02							8.517
16	590222	Dương thành Huy	16/08/2008	C1	P02							8.508
17	590271	Đào Thanh Lam	16/08/2008	C1	P02							8.500
18	590557	Ngô Anh Tú	07/02/2008	C3	P02							8.500
19	590318	Hoàng Thế Lộc	09/03/2008	C1	P02							8.492
20	590007	Bùi Công Duy Anh	07/11/2008	C5	P02							8.487
21	590217	Phan Thị Kim Huệ	08/12/2008	C4	P02							8.483
22	590227	Nguyễn Đăng Gia Huy	29/01/2008	C5	P02							8.483
23	590335	Vũ Phương Mai	09/04/2008	C4	P02							8.472
24	590027	Lê Việt Anh	17/12/2008	C1	P02							8.470

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....



Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590559	Phan Bảo Tú	19/02/2008	C1	P03							8.470
2	590283	Đào Phương Linh	29/08/2008	C5	P03							8.417
3	590103	Lê Thành Danh	16/06/2008	C3	P03							8.402
4	590531	Đặng Thị Thùy Trang	28/06/2008	C4	P03							8.398
5	590250	Bùi Công Khánh	03/05/2008	C4	P03							8.395
6	590324	Bùi Thị Ngọc Mai	26/10/2008	C5	P03							8.375
7	590373	Nguyễn Hà Hải Nam	26/01/2008	C6	P03							8.372
8	590416	Nguyễn Thị Yến Nhi	25/01/2008	C3	P03							8.370
9	590021	Hoàng Hải Anh	04/12/2006	C1	P03							8.363
10	590380	Đỗ Vũ Thiên Ngân	12/11/2008	C4	P03							8.347
11	590341	Đỗ Tuấn Minh	29/06/2008	C1	P03							8.342
12	590427	Nguyễn Tâm Như	23/07/2008	C5	P03							8.338
13	590004	Đinh Thế An	23/07/2008	C1	P03							8.337
14	590563	Tô Đức Tuấn	15/08/2008	C1	P03							8.320
15	590460	Nguyễn Minh Phương	22/12/2008	C7	P03							8.292
16	590084	Phạm Thị Hà Châu	25/09/2008	C1	P03							8.282
17	590437	Phạm Thanh Phong	25/06/2008	C5	P03							8.280
18	590520	Vũ Thị Thanh Thuý	30/09/2008	C4	P03							8.243
19	590446	Mai Thu Phương	04/12/2008	C3	P03							8.225
20	590073	Lương Nguyễn Thiên Bảo	02/11/2008	C4	P03							8.205
21	590445	Lương Mai Phương	19/11/2008	C5	P03							8.198
22	590132	Nguyễn Thuý Dương	07/04/2008	C5	P03							8.195
23	590127	Trần Thị Thùy Duyên	01/01/2008	C5	P03							8.188
24	590452	Nguyễn Thị Hà Phương	21/12/2008	C2	P03							8.183

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KÍ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
AN LÃO
ĐƠN VỊ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590447	Ngô Mai Phương	13/10/2008	C4	P04							8.182
2	590363	Nguyễn Thị Thảo My	10/12/2008	C2	P04							8.175
3	590462	Đỗ Thanh Quang	03/02/2008	C4	P04							8.172
4	590455	Phạm Thị Thu Phương	19/08/2008	C4	P04							8.167
5	590510	Nguyễn Hữu Thắng	07/06/2008	C3	P04							8.167
6	590347	Nguyễn Quang Minh	02/12/2008	C8	P04							8.162
7	590518	Lương Diệu Thúy	08/12/2008	C6	P04							8.147
8	590439	Trần Ngọc Phú	28/06/2008	C2	P04							8.138
9	590349	Nguyễn Trọng Minh	23/11/2008	C1	P04							8.137
10	590189	Vũ Đức Hiệp	02/01/2008	C1	P04							8.128
11	590028	Lương Ngọc Anh	07/09/2008	C4	P04							8.127
12	590177	Nguyễn Minh Hằng	22/12/2008	C7	P04							8.125
13	590263	Hoàng Trung Kiên	19/05/2008	C8	P04							8.100
14	590505	Vũ Thị Phương Thảo	16/10/2008	C3	P04							8.100
15	590506	Vũ Thị Thanh Thảo	15/04/2008	C4	P04							8.097
16	590049	Nguyễn Việt Anh	22/05/2008	C1	P04							8.088
17	590157	Bùi Thu Hà	19/04/2008	C3	P04							8.087
18	590441	Đào Thu Phương	28/11/2008	C3	P04							8.078
19	590464	Nguyễn Xuân Quang	29/11/2008	C1	P04							8.055
20	590546	Vũ Thị Minh Trang	29/03/2008	C5	P04							8.050
21	590370	Bùi Hoàng Nam	04/01/2008	C3	P04							8.037
22	590087	Chu Quỳnh Chi	25/10/2008	C8	P04							8.030
23	590245	Quách Mai Hương	18/01/2008	C6	P04							8.030
24	590186	Phạm Thu Hiền	23/07/2008	C4	P04							8.028

Ghi chú: - *Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.*

- *Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I*

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....



An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KT HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590336	Bùi Duy Mạnh	17/08/2008	C2	P05							8.020
2	590393	Nguyễn Khánh Ngọc	04/08/2008	C1	P05							8.013
3	590503	Trần Phương Thảo	31/08/2008	C7	P05							8.013
4	590579	Bùi Huy Vũ	04/03/2008	C6	P05							8.012
5	590166	Nguyễn Trần Khánh Hà	09/01/2008	C4	P05							8.010
6	590366	Phạm Thị Hà My	23/04/2008	C2	P05							8.002
7	590258	Phạm Đăng Khoa	27/07/2008	C1	P05							8.000
8	590133	Nguyễn Thùy Dương	28/02/2008	C4	P05							7.978
9	590147	Bùi Anh Đức	16/07/2008	C8	P05							7.972
10	590374	Phạm Hiếu Nam	19/11/2008	C2	P05							7.953
11	590160	Lê Ngọc Hà	02/01/2008	C3	P05							7.945
12	590469	Phạm Văn Quân	04/02/2008	C7	P05							7.942
13	590012	Bùi Thị Vân Anh	05/10/2008	C5	P05							7.925
14	590438	Bùi Quang Phú	14/01/2008	C8	P05							7.900
15	590328	Lê Ngọc Mai	27/04/2008	C5	P05							7.885
16	590507	Dương Đức Thắng	02/01/2008	C3	P05							7.885
17	590205	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	24/06/2008	C1	P05							7.868
18	590248	Vũ Gia Khang	15/07/2008	C6	P05							7.857
19	590537	Nguyễn Huyền Trang	02/08/2008	C3	P05							7.853
20	590571	Lê Thị Hà Vi	12/01/2008	C7	P05							7.852
21	590280	Bùi Thị Thùy Linh	20/10/2008	C2	P05							7.845
22	590239	Thân Công Hưng	08/07/2007	C2	P05							7.842
23	590034	Nguyễn Ngọc Anh	03/11/2008	C5	P05							7.830
24	590418	Phạm Thị Khánh Nhi	09/02/2008	C3	P05							7.817

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KT HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590184	Nguyễn Thị Minh Hiền	29/10/2008	C4	P06							7.813
2	590211	Nguyễn Vũ Huy Hoàng	02/08/2008	C1	P06							7.795
3	590226	Lê Trọng Huy	02/11/2008	C1	P06							7.788
4	590319	Nguyễn Minh Lộc	02/09/2008	C7	P06							7.788
5	590102	Phạm Việt Cường	28/11/2008	C1	P06							7.785
6	590190	Bùi Công Hiếu	15/02/2008	C7	P06							7.780
7	590300	Nguyễn Thị Diệu Linh	02/04/2008	C7	P06							7.767
8	590459	Vũ Thị Minh Phương	09/07/2008	C6	P06							7.753
9	590111	Bùi Việt Dũng	22/02/2008	C3	P06							7.750
10	590382	Nguyễn Thị Hồng Ngân	04/11/2008	C3	P06							7.742
11	590491	Nguyễn Vũ Thành	04/07/2008	C6	P06							7.728
12	590099	Đỗ Thành Chung	25/11/2008	C4	P06							7.713
13	590255	Vũ Gia Khiêm	17/08/2008	C7	P06							7.703
14	590254	Nguyễn Mạnh Khiêm	11/09/2008	C8	P06							7.700
15	590358	Vũ Hoàng Minh	31/12/2008	C7	P06							7.700
16	590453	Nguyễn Thu Phương	26/07/2008	C1	P06							7.697
17	590543	Trần Huyền Trang	29/05/2008	C2	P06							7.670
18	590345	Nguyễn Ngọc Minh	25/11/2008	C2	P06							7.643
19	590403	Trần Như Ngọc	01/09/2008	C6	P06							7.628
20	590076	Vũ Nguyên Bảo	29/06/2008	C3	P06							7.623
21	590020	Đỗ Ngọc Anh	08/01/2008	C2	P06							7.612
22	590575	Phạm Quốc Việt	26/01/2008	C3	P06							7.602
23	590274	Bùi Thanh Lâm	02/10/2008	C1	P06							7.598
24	590405	Bùi Nhiếp Ngụy	18/05/2008	C2	P06							7.595

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KT HIỆU TRƯỞNG
R. HIỆU TRƯỞNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG AN LÃO
ĐƠN VỊ

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590385	Nguyễn Minh Nghĩa	31/10/2008	C6	P07							7.587
2	590298	Nguyễn Phương Linh	11/04/2008	C5	P07							7.585
3	590051	Phạm Đăng Việt Anh	29/07/2008	C1	P07							7.582
4	590313	Phạm Đức Long	10/10/2008	C4	P07							7.575
5	590252	Lê Gia Khánh	16/12/2008	C1	P07							7.572
6	590224	Hoàng Gia Huy	03/01/2008	C1	P07							7.562
7	590355	Phùng Quang Minh	29/08/2008	C3	P07							7.562
8	590124	Nguyễn Thị Duyên	18/06/2008	C8	P07							7.555
9	590183	Lê Thị Thu Hiền	15/06/2008	C4	P07							7.545
10	590249	Trương Tuấn Khanh	29/09/2008	C2	P07							7.522
11	590281	Bùi Thị Tuyết Linh	03/09/2008	C4	P07							7.520
12	590383	Nguyễn Thị Kim Ngân	03/11/2008	C3	P07							7.492
13	590463	Hoàng Thanh Quang	02/02/2008	C7	P07							7.490
14	590528	Trần Mạnh Tiến	22/01/2008	C1	P07							7.490
15	590516	Vũ Thị Thu	01/11/2008	C3	P07							7.478
16	590241	Lê Thị Hương	06/10/2008	C7	P07							7.473
17	590511	Nguyễn Phú Thịnh	05/12/2008	C3	P07							7.463
18	590180	Phan Thị Hậu	01/03/2008	C3	P07							7.458
19	590527	Nguyễn Việt Tiến	17/01/2008	C5	P07							7.453
20	590489	Phạm Hà Thanh	12/06/2008	C3	P07							7.437
21	590486	Nguyễn Thanh Tâm	17/04/2008	C4	P07							7.433
22	590350	Nguyễn Tuấn Minh	13/01/2008	C2	P07							7.408
23	590005	Nguyễn Hải An	01/02/2008	C4	P07							7.385
24	590170	Nguyễn Hoàng Hải	26/03/2008	C8	P07							7.357

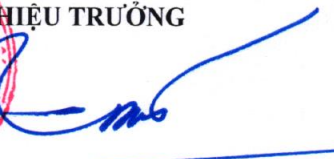
Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG


Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590172	Nguyễn Lương Hải	02/02/2008	C3	P08							7.353
2	590194	Ngô Minh Hiếu	19/10/2008	C2	P08							7.348
3	590566	Nguyễn Đình Tùng	01/11/2008	C5	P08							7.335
4	590037	Nguyễn Phương Anh	05/12/2008	C6	P08							7.313
5	590148	Đào Tiến Đức	22/09/2008	C1	P08							7.313
6	590470	Tăng Văn Quân	22/11/2008	C3	P08							7.305
7	590108	Phạm Nghi Dung	10/11/2008	C4	P08							7.303
8	590267	Trần Đình Kiên	31/01/2008	C2	P08							7.303
9	590171	Nguyễn Hoàng Hải	27/11/2008	C1	P08							7.300
10	590146	Hoàng Việt Đoan	01/11/2008	C8	P08							7.292
11	590482	Nguyễn Khánh Sơn	09/07/2008	C7	P08							7.278
12	590006	Vũ Hoàng An	21/01/2008	C7	P08							7.267
13	590149	Trần Minh Đức	01/05/2008	C5	P08							7.267
14	590117	Nguyễn Tiến Dũng	18/07/2008	C2	P08							7.253
15	590456	Phan Thu Phương	15/05/2008	C1	P08							7.250
16	590192	Lương Minh Hiếu	24/09/2008	C5	P08							7.235
17	590293	Nguyễn Mai Gia Linh	24/09/2008	C1	P08							7.233
18	590289	Ngô Thùy Linh	02/01/2008	C7	P08							7.220
19	590151	Phạm Đại Gia	20/10/2008	C2	P08							7.212
20	590466	Cao Nhật Quân	04/07/2008	C8	P08							7.212
21	590387	Bùi Bích Ngọc	19/12/2008	C6	P08							7.207
22	590105	Phan Ngọc Diệp	12/12/2008	C6	P08							7.203
23	590407	Trịnh Đức Nguyên	14/02/2008	C6	P08							7.193
24	590388	Đào Minh Ngọc	05/01/2008	C6	P08							7.192

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023



KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590513	Dương Long Thu	14/08/2008	C2	P09							7.183
2	590278	Hoàng Thị Mai Liên	17/08/2008	C4	P09							7.175
3	590377	Nguyễn Thị Ngọc Nga	10/04/2008	C1	P09							7.173
4	590580	Nguyễn Minh Vũ	31/08/2008	C1	P09							7.173
5	590433	Đoàn Tuấn Phong	21/12/2008	C4	P09							7.172
6	590337	Phạm Đức Mạnh	16/08/2008	C3	P09							7.163
7	590275	Hoàng Lưu Khải Lâm	05/08/2008	C5	P09							7.160
8	590514	Đỗ Mai Thu	19/11/2008	C7	P09							7.150
9	590305	Phùng Trần Nhật Linh	04/09/2008	C5	P09							7.137
10	590432	Trịnh Đức Phát	04/07/2008	C5	P09							7.123
11	590106	Vũ Thị Ngọc Diệp	07/10/2008	C8	P09							7.122
12	590152	Bùi Thị Hương Giang	11/05/2008	C8	P09							7.122
13	590570	Nguyễn Thùy Vân	15/07/2008	C6	P09							7.118
14	590191	Đinh Đức Hiếu	24/10/2008	C5	P09							7.108
15	590474	Lê Văn Quyền	31/05/2008	C2	P09							7.108
16	590026	Lê Tuấn Anh	11/11/2008	C6	P09							7.107
17	590082	Lê Ngọc Minh Châu	22/11/2008	C2	P09							7.105
18	590212	Nguyễn Xuân Hoàng	22/04/2008	C7	P09							7.103
19	590035	Nguyễn Ngọc Anh	10/05/2008	C7	P09							7.092
20	590033	Nguyễn Mai Anh	23/07/2008	C7	P09							7.083
21	590353	Phạm Quang Minh	11/06/2008	C5	P09							7.078
22	590327	Hoàng Thị Xuân Mai	02/01/2008	C3	P09							7.058
23	590450	Nguyễn Minh Phương	23/08/2008	C2	P09							7.053
24	590019	Đỗ Đức Anh	03/02/2008	C1	P09							7.050

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590215	Đoàn Thị Huế	09/01/2008	C7	P10							7.040
2	590568	Phạm Gia Văn	06/10/2008	C2	P10							7.028
3	590562	Nguyễn Minh Tuấn	17/11/2008	C3	P10							7.022
4	590043	Nguyễn Thị Phương Anh	17/07/2008	C4	P10							7.020
5	590357	Trịnh Hải Minh	25/05/2008	C4	P10							7.017
6	590449	Nguyễn Mai Phương	11/09/2008	C2	P10							7.007
7	590178	Nguyễn Thu Hằng	19/01/2008	C8	P10							7.000
8	590414	Đỗ Uyên Nhi	07/08/2008	C6	P10							6.997
9	590238	Nguyễn Đình Hưng	09/02/2008	C4	P10							6.987
10	590089	Hoàng Hồ Minh Chi	19/03/2008	C7	P10							6.973
11	590523	Đặng Anh Thư	11/10/2008	C3	P10							6.968
12	590167	Phan Vũ Thu Hà	04/11/2008	C7	P10							6.965
13	590259	Phạm Minh Khoa	05/12/2008	C5	P10							6.958
14	590342	Lê Minh	03/08/2008	C3	P10							6.937
15	590351	Nguyễn Vũ Anh Minh	10/10/2008	C6	P10							6.932
16	590440	Hoàng Minh Phúc	07/02/2008	C1	P10							6.920
17	590310	Nguyễn Đức Hoàng Long	22/03/2008	C8	P10							6.917
18	590419	Trần Vương Nhi	20/01/2008	C5	P10							6.915
19	590179	Nguyễn Thị Hậu	13/06/2008	C1	P10							6.900
20	590024	Lê Đức Anh	13/06/2008	C6	P10							6.893
21	590144	Tạ Tiến Đạt	25/10/2008	C8	P10							6.892
22	590365	Nguyễn Trà My	15/12/2008	C8	P10							6.890
23	590551	Nguyễn Vũ Minh Triết	18/11/2008	C6	P10							6.890
24	590354	Phạm Trần Nhật Minh	18/07/2008	C6	P10							6.842
25	590142	Nguyễn Tiến Đạt	31/01/2008	C2	P10							6.808

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023



KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: Cuối học kỳ I

- ĐỊA ĐIỂM: Phòng

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590097	Phùng Văn Chiến	25/05/2008	C2	P11							6.780
2	590578	Dương Đoàn Thành Vinh	06/01/2008	C3	P11							6.772
3	590295	Nguyễn Ngọc Linh	16/10/2008	C7	P11							6.770
4	590417	Ôn Nguyễn Yến Nhi	24/11/2008	C8	P11							6.750
5	590100	Nguyễn Ninh Chung	25/11/2008	C2	P11							6.745
6	590115	Nguyễn Tấn Dũng	08/06/2008	C4	P11							6.730
7	590428	Nguyễn Thị Quỳnh Như	16/09/2008	C7	P11							6.708
8	590077	Bùi Thị Ngọc Bích	25/01/2008	C2	P11							6.692
9	590143	Phan Tiến Đạt	16/08/2008	C6	P11							6.692
10	590430	Nguyễn Hải Ninh	27/12/2008	C7	P11							6.683
11	590195	Nguyễn Đình Hiếu	13/05/2008	C5	P11							6.675
12	590402	Phạm Thị Thanh Ngọc	31/07/2008	C6	P11							6.668
13	590161	Lê Thu Hà	23/01/2008	C8	P11							6.667
14	590001	Bùi Duy An	05/03/2008	C7	P11							6.662
15	590173	Nguyễn Việt Hải	03/02/2008	C5	P11							6.648
16	590050	Ninh Thị Phương Anh	18/09/2008	C2	P11							6.635
17	590540	Nguyễn Thị Thùy Trang	09/06/2008	C8	P11							6.625
18	590131	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/01/2008	C6	P11							6.608
19	590230	Vũ Quang Huy	10/01/2008	C2	P11							6.592
20	590081	Trần Khoa Canh	19/01/2008	C6	P11							6.578
21	590406	Lương Thảo Nguyên	11/02/2008	C2	P11							6.572
22	590096	Vũ Thị Mai Chi	30/12/2008	C8	P11							6.568
23	590042	Nguyễn Thị Nhật Anh	24/01/2008	C7	P11							6.553
24	590519	Phùng Thị Phương Thúy	19/08/2008	C3	P11							6.542
25	590426	Dương Thị Quỳnh Như	09/01/2008	C2	P11							6.533

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590098	Nguyễn Văn Chinh	19/11/2008	C4	P12							6.517
2	590532	Đoàn Cao Hà Trang	20/03/2008	C4	P12							6.517
3	590079	Đỗ Thanh Bình	26/10/2008	C8	P12							6.513
4	590032	Nguyễn Hoàng Anh	27/07/2008	C2	P12							6.502
5	590315	Trịnh Hải Long	18/02/2008	C5	P12							6.497
6	590490	Phạm Xuân Thanh	13/09/2008	C6	P12							6.497
7	590483	Vũ Thái Sơn	18/01/2008	C5	P12							6.488
8	590573	Đào Quốc Việt	23/04/2008	C6	P12							6.478
9	590064	Trần Nguyễn Kiều Anh	23/02/2008	C6	P12							6.477
10	590083	Nguyễn Minh Châu	09/09/2008	C8	P12							6.475
11	590257	Phạm Anh Khoa	16/05/2008	C2	P12							6.468
12	590308	Vương Hà Linh	30/10/2008	C1	P12							6.462
13	590508	Ngô Đức Thắng	30/01/2008	C8	P12							6.462
14	590391	Lương Thị Hồng Ngọc	29/07/2008	C3	P12							6.450
15	590346	Nguyễn Nhật Minh	04/04/2008	C8	P12							6.435
16	590039	Nguyễn Thị Lan Anh	13/01/2008	C6	P12							6.425
17	590270	Phạm Quốc Kỳ	20/11/2008	C7	P12							6.425
18	590140	Đinh Quang Đạt	16/12/2008	C7	P12							6.408
19	590225	Hoàng Quang Huy	25/04/2008	C8	P12							6.405
20	590074	Ngô Gia Bảo	28/06/2008	C2	P12							6.393
21	590457	Trần Mai Phương	25/06/2008	C6	P12							6.380
22	590216	Phạm Thị Huế	03/10/2008	C7	P12							6.377
23	590199	Vũ Minh Hiếu	26/08/2008	C5	P12							6.363
24	590465	Trần Duy Quang	09/10/2008	C2	P12							6.313
25	590352	Phạm Gia Minh	06/12/2008	C4	P12							6.303

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi p	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590210	Nguyễn Việt Hoàng	18/08/2008	C2	P13							6.287
2	590492	Phạm Minh Thành	01/12/2008	C2	P13							6.282
3	590029	Lương Trang Anh	13/01/2008	C6	P13							6.272
4	590556	Nguyễn Quang Trường	13/11/2008	C3	P13							6.270
5	590198	Trần Văn Hiếu	06/03/2008	C6	P13							6.265
6	590488	Nguyễn Duy Thái	14/08/2008	C6	P13							6.262
7	590128	Đào Hải Dương	21/10/2008	C1	P13							6.247
8	590246	Đỗ Đức Hường	13/04/2006	C7	P13							6.222
9	590574	Hoàng Quốc Việt	07/02/2008	C8	P13							6.213
10	590141	Nguyễn Đình Quốc Đạt	24/08/2008	C2	P13							6.168
11	590471	Trần Minh Quân	10/04/2008	C7	P13							6.162
12	590517	Nguyễn Văn Thuận	22/03/2008	C8	P13							6.162
13	590122	Nguyễn Đức Duy	18/08/2008	C6	P13							6.155
14	590136	Nguyễn Trọng Đại	29/11/2008	C6	P13							6.153
15	590436	Nguyễn Sỹ Năm Hải Phong	15/10/2008	C2	P13							6.137
16	590031	Nguyễn Đình Duy Anh	06/06/2008	C8	P13							6.130
17	590262	Đỗ Trung Kiên	20/09/2008	C1	P13							6.123
18	590251	Đoàn Gia Khánh	01/09/2008	C3	P13							6.113
19	590158	Đỗ Thuý Hà	08/04/2008	C5	P13							6.105
20	590435	Lê Kiều Phong	16/12/2008	C7	P13							6.075
21	590276	Hoàng Tùng Lâm	25/03/2008	C5	P13							6.070
22	590467	Hoàng Minh Quân	18/04/2008	C2	P13							6.062
23	590448	Nguyễn Chấn Phương	13/03/2008	C6	P13							6.055
24	590080	Nguyễn Đăng Bình	13/01/2008	C1	P13							6.047
25	590003	Dương Thị An	27/08/2008	C3	P13							6.045

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
AN LÃO
HẢI PHÒNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi p	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590150	Nguyễn Hồng Hải Đường	19/07/2008	C5	P14							6.042
2	590434	Lê Hồng Phong	05/01/2008	C5	P14							6.012
3	590092	Phùng Quỳnh Chi	22/09/2008	C8	P14							6.002
4	590567	Nguyễn Thị Tố Uyên	22/03/2008	C2	P14							5.993
5	590458	Vũ Gia Phương	15/09/2008	C1	P14							5.980
6	590554	Lê Văn Thành Trung	16/08/2008	C7	P14							5.972
7	590311	Nguyễn Hoàng Gia Long	26/06/2008	C8	P14							5.938
8	590481	Phạm Thị Như Quỳnh	13/05/2008	C2	P14							5.938
9	590169	Lê Thanh Hải	18/09/2008	C3	P14							5.918
10	590015	Dương Đức Quang Anh	03/02/2008	C2	P14							5.903
11	590059	Phan Thị Hải Anh	07/08/2008	C8	P14							5.893
12	590265	Nguyễn Trường Kiên	25/08/2008	C7	P14							5.882
13	590187	Mai Đình Hiền	25/11/2008	C1	P14							5.870
14	590008	Bùi Đức Anh	27/10/2008	C7	P14							5.820
15	590188	Nguyễn Phú Hiệp	28/01/2008	C7	P14							5.818
16	590240	Lai Thị Liên Hương	14/12/2008	C8	P14							5.813
17	590473	Bùi Thế Quyền	22/01/2008	C7	P14							5.773
18	590119	Nguyễn Trung Dũng	04/05/2008	C8	P14							5.770
19	590014	Bùi Thụy Hải Anh	06/05/2008	C3	P14							5.755
20	590268	Bùi Anh Kiệt	30/09/2008	C6	P14							5.742
21	590312	Nguyễn Thành Long	26/01/2008	C6	P14							5.720
22	590048	Nguyễn Việt Anh	19/03/2008	C2	P14							5.688
23	590261	Dương Minh Khuê	04/03/2008	C6	P14							5.687
24	590495	Nguyễn Minh Thảo	14/11/2008	C2	P14							5.673
25	590499	Nguyễn Thị Minh Thảo	18/07/2008	C8	P14							5.640

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KI HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi p	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590386	Nguyễn Bá Nghiê	01/02/2008	C4	P15							5.592
2	590121	Vũ Tuấn Dũng	10/05/2008	C4	P15							5.570
3	590116	Nguyễn Tiến Dũng	01/01/2008	C8	P15							5.563
4	590413	Đào Phương Nhi	13/03/2008	C2	P15							5.558
5	590584	Bùi Thị Hải Yến	03/05/2008	C8	P15							5.547
6	590075	Nguyễn Đức Bảo	08/12/2008	C4	P15							5.538
7	590314	Phạm Minh Long	17/07/2008	C2	P15							5.508
8	590299	Nguyễn Phương Linh	24/02/2008	C8	P15							5.503
9	590302	Nguyễn Thùy Linh	14/10/2008	C7	P15							5.487
10	590247	Nguyễn Quang Khải	04/10/2008	C3	P15							5.472
11	590046	Nguyễn Tùng Anh	08/05/2008	C6	P15							5.347
12	590561	Lê Nguyễn Anh Tuấn	10/02/2008	C7	P15							5.330
13	590577	Bùi Quang Vinh	11/05/2008	C8	P15							5.307
14	590094	Trần Quỳnh Chi	11/10/2008	C6	P15							5.262
15	590138	Bùi Tiến Đạt	31/10/2007	C6	P15							5.237
16	590044	Nguyễn Thị Vân Anh	06/11/2008	C4	P15							5.138
17	590120	Trần Trí Dũng	21/04/2008	C7	P15							5.055
18	590234	Phạm Thu Huyền	24/07/2008	C2	P15							4.917
19	590425	Vũ Thị Mai Nhung	11/08/2008	C2	P15							4.845
20	590219	Nguyễn Cao Hùng	04/02/2008	C6	P15							4.768
21	590153	Lương Hương Giang	30/05/2008	C2	P15							4.560
22	590118	Nguyễn Tiến Dũng	26/06/2008	C2	P15							4.480
23	590468	Khúc Đặng Minh Quân	28/10/2008	C8	P15							4.363
24	590512	Nguyễn Thị Thơ	07/01/2008	C8	P15							4.133
25	590047	Nguyễn Tùng Anh	17/07/2008	C2	P15							3.993

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023



KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi p	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590539	Nguyễn Thị Thu Trang	10/07/2008	C13	P16							9.122
2	590412	Dương Thị Yến Nhi	16/12/2008	C13	P16							9.050
3	590381	Nguyễn Thanh Ngân	06/04/2008	C13	P16							8.900
4	590061	Phùng Thị Ngọc Anh	28/03/2008	C12	P16							8.868
5	590379	Đỗ Thùy Ngân	15/10/2008	C12	P16							8.798
6	590326	Đỗ Thanh Mai	10/04/2008	C13	P16							8.705
7	590565	Hoàng Huy Tùng	17/08/2008	C13	P16							8.658
8	590055	Phạm Quỳnh Anh	25/04/2008	C12	P16							8.625
9	590017	Đặng Thùy Anh	12/05/2008	C12	P16							8.588
10	590443	Đỗ Thu Phương	20/12/2008	C13	P16							8.575
11	590065	Văn Thị Mai Anh	31/01/2008	C13	P16							8.550
12	590334	Văn Thị Hương Mai	19/01/2008	C12	P16							8.550
13	590244	Phạm Thu Hương	09/02/2008	C9	P16							8.527
14	590182	Đào Lê Kim Hiền	15/08/2008	C13	P16							8.517
15	590123	Phạm Khánh Duy	24/08/2008	C13	P16							8.470
16	590410	Đỗ Văn Thế Nhân	10/01/2008	C10	P16							8.470
17	590522	Nguyễn Thị Bích Thủy	08/07/2008	C13	P16							8.438
18	590156	Bùi Thị Thanh Hà	26/09/2008	C13	P16							8.425
19	590063	Trần Mai Anh	17/01/2008	C12	P16							8.422
20	590576	Bùi Công Vinh	30/10/2008	C12	P16							8.412
21	590339	Đào Ngọc Minh	08/11/2008	C12	P16							8.367
22	590320	Nguyễn Vũ Như Lộc	26/09/2008	C13	P16							8.355
23	590541	Nguyễn Thùy Trang	23/05/2008	C12	P16							8.338
24	590095	Trịnh Thị Linh Chi	13/11/2008	C9	P16							8.337

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi p	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590497	Nguyễn Phương Thảo	16/08/2008	C12	P17							8.295
2	590552	Cao Thanh Trúc	05/05/2008	C13	P17							8.282
3	590134	Phạm Ánh Dương	30/08/2008	C13	P17							8.247
4	590060	Phú Lan Anh	09/12/2008	C13	P17							8.237
5	590002	Bùi Ngọc Mỹ An	18/12/2008	C12	P17							8.233
6	590325	Đoàn Xuân Mai	21/07/2008	C13	P17							8.232
7	590201	Đào Ngọc Yến Hoa	17/04/2008	C13	P17							8.200
8	590384	Phạm Minh Ngân	17/03/2008	C13	P17							8.195
9	590067	Bùi Ngọc Ánh	03/10/2008	C12	P17							8.175
10	590461	Bùi Nguyễn Thiện Quang	20/08/2008	C13	P17							8.158
11	590367	Phạm Thị Thảo My	17/12/2008	C13	P17							8.125
12	590535	Lê Thu Trang	17/11/2008	C13	P17							8.125
13	590322	Vũ Hà Ly	21/06/2008	C12	P17							8.072
14	590415	Mai Thị Yến Nhi	08/09/2008	C9	P17							8.055
15	590485	Đỗ Thanh Tâm	05/11/2008	C10	P17							8.047
16	590572	Nguyễn Thảo Vi	28/03/2008	C9	P17							8.025
17	590206	Trần Thị Mai Hoa	29/02/2008	C13	P17							7.998
18	590303	Phạm Khánh Linh	23/10/2008	C13	P17							7.970
19	590369	Lương Thị Như Mỹ	29/05/2008	C11	P17							7.970
20	590016	Dương Ngọc Anh	22/01/2008	C13	P17							7.968
21	590444	Hoàng Thị Minh Phương	19/11/2008	C13	P17							7.963
22	590290	Nguyễn Hà Linh	08/09/2008	C12	P17							7.960
23	590036	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	10/07/2008	C13	P17							7.937
24	590330	Nguyễn Ngọc Mai	14/07/2008	C11	P17							7.893

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG
Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi p	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590544	Trần Thu Trang	16/11/2008	C10	P18							7.892
2	590581	Đỗ Nguyễn Tường Vy	28/01/2008	C13	P18							7.888
3	590237	Vũ Thu Huyền	25/10/2008	C12	P18							7.882
4	590053	Phạm Nguyễn Hà Anh	04/07/2008	C12	P18							7.858
5	590333	Phạm Thị Ngọc Mai	26/09/2008	C11	P18							7.855
6	590399	Phạm Bảo Ngọc	03/01/2008	C13	P18							7.855
7	590317	Đào Xuân Lộc	04/12/2008	C12	P18							7.847
8	590054	Phạm Quỳnh Anh	11/07/2008	C12	P18							7.832
9	590068	Nguyễn Ngọc Ánh	06/06/2008	C9	P18							7.790
10	590309	Vũ Thị Mai Loan	27/05/2008	C12	P18							7.787
11	590536	Ngô Ngọc Trang	24/11/2008	C13	P18							7.783
12	590389	Đinh Thị Lâm Ngọc	31/07/2008	C13	P18							7.752
13	590301	Nguyễn Thị Thùy Linh	15/02/2008	C10	P18							7.742
14	590533	Đỗ Thùy Trang	26/07/2008	C12	P18							7.717
15	590401	Phạm Như Ngọc	22/07/2008	C10	P18							7.705
16	590213	Phạm Đăng Hoàng	08/05/2008	C12	P18							7.698
17	590018	Đinh Hoàng Ngọc Anh	06/06/2008	C10	P18							7.687
18	590066	Vũ Tuấn Anh	25/05/2008	C10	P18							7.683
19	590078	Văn Thị Ngọc Bích	09/12/2008	C13	P18							7.675
20	590553	Vương Thị Thanh Trúc	10/12/2008	C9	P18							7.675
21	590542	Phùng Thị Minh Trang	26/05/2008	C12	P18							7.667
22	590196	Trần Minh Hiếu	15/08/2008	C10	P18							7.658
23	590555	Trần Thành Trung	27/05/2008	C12	P18							7.638
24	590164	Nguyễn Lê Thiên Hà	02/11/2008	C11	P18							7.633

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023



KI HIỆU TRƯỞNG
KI HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi p	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590421	Vũ Thị Tuyết Nhi	21/08/2008	C13	P19							7.633
2	590125	Phạm Hương Duyên	09/05/2008	C9	P19							7.632
3	590476	Đào Mai Quỳnh	18/11/2008	C11	P19							7.625
4	590174	Phạm Đăng Hải	08/05/2008	C12	P19							7.615
5	590397	Nguyễn Thị Bích Ngọc	14/12/2008	C11	P19							7.608
6	590088	Hà Yến Chi	22/11/2008	C13	P19							7.552
7	590045	Nguyễn Thị Vân Anh	15/07/2008	C9	P19							7.550
8	590504	Vũ Phương Thảo	21/12/2008	C12	P19							7.550
9	590360	Bùi Hà My	14/12/2008	C13	P19							7.545
10	590086	Bùi Quỳnh Chi	15/03/2008	C10	P19							7.522
11	590279	Bùi Thị Linh	15/11/2008	C11	P19							7.497
12	590297	Nguyễn Phương Linh	08/11/2008	C9	P19							7.475
13	590104	Nguyễn Ngọc Diệp	07/01/2008	C10	P19							7.453
14	590404	Vũ Thảo Ngọc	28/12/2008	C11	P19							7.453
15	590400	Phạm Bích Ngọc	06/10/2008	C12	P19							7.440
16	590422	Hoàng Trang Nhung	28/09/2008	C12	P19							7.413
17	590480	Phạm Như Quỳnh	18/08/2008	C13	P19							7.405
18	590524	Lê Thanh Thư	12/02/2008	C11	P19							7.403
19	590145	Vũ Văn Đạt	24/08/2008	C10	P19							7.402
20	590209	Trần Thu Hoài	09/11/2008	C12	P19							7.380
21	590185	Nguyễn Thu Hiền	28/04/2008	C12	P19							7.378
22	590423	Ngô Thị Nhung	07/12/2008	C10	P19							7.378
23	590304	Phạm Ngọc Linh	03/12/2008	C12	P19							7.347
24	590085	Bùi Minh Khánh Chi	08/10/2008	C10	P19							7.343

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023



KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi p	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590396	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	17/06/2008	C13	P20							7.342
2	590284	Đặng Diệu Linh	25/10/2008	C11	P20							7.335
3	590286	Lê Khánh Linh	13/01/2008	C12	P20							7.303
4	590011	Bùi Thị Ngọc Anh	08/04/2008	C11	P20							7.302
5	590052	Phạm Mai Anh	24/04/2008	C10	P20							7.297
6	590376	Nguyễn Thị Hằng Nga	24/08/2008	C11	P20							7.278
7	590392	Ngô Minh Ngọc	20/11/2008	C13	P20							7.278
8	590090	Nguyễn Khánh Chi	08/11/2008	C11	P20							7.275
9	590040	Nguyễn Thị Lan Anh	18/05/2008	C10	P20							7.255
10	590431	Nguyễn Thuý Ninh	17/03/2008	C13	P20							7.250
11	590368	Vũ Thị Trà My	18/02/2008	C11	P20							7.248
12	590231	Đào Thị Huyền	08/07/2008	C12	P20							7.227
13	590175	Nguyễn Trọng Hào	01/06/2008	C13	P20							7.220
14	590069	Nguyễn Ngọc Ánh	08/03/2008	C9	P20							7.180
15	590208	Phạm Thị An Hoà	01/09/2008	C13	P20							7.177
16	590356	Trần Anh Minh	17/10/2008	C11	P20							7.142
17	590109	Phạm Thùy Dung	09/03/2008	C11	P20							7.132
18	590277	Phạm Khánh Lâm	13/03/2008	C13	P20							7.125
19	590137	Phạm Thị Bích Đào	02/03/2008	C11	P20							7.122
20	590378	Trần Thị Phương Nga	12/07/2008	C13	P20							7.097
21	590329	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	27/03/2008	C13	P20							7.093
22	590475	Cao Bùi Như Quỳnh	08/05/2008	C9	P20							7.062
23	590545	Vũ Quỳnh Trang	25/01/2008	C11	P20							7.050
24	590009	Bùi Ngọc Trâm Anh	01/12/2008	C10	P20							7.048

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KT HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi p	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590515	Phạm Minh Thu	11/04/2008	C12	P21							7.038
2	590534	Hoàng Thùy Trang	28/02/2008	C9	P21							7.025
3	590502	Phan Thị Phương Thảo	07/06/2008	C11	P21							7.023
4	590165	Nguyễn Thị Thu Hà	29/11/2008	C10	P21							7.008
5	590193	Lương Xuân Hiếu	26/11/2008	C9	P21							7.007
6	590207	Nguyễn Văn Hòa	18/02/2008	C10	P21							7.007
7	590316	Cao Thành Lộc	01/12/2008	C9	P21							6.998
8	590479	Nguyễn Như Quỳnh	24/07/2008	C9	P21							6.993
9	590110	Bùi Văn Dũng	24/02/2008	C10	P21							6.992
10	590498	Nguyễn Thanh Thảo	09/10/2008	C12	P21							6.907
11	590585	Hoàng Hải Yến	01/08/2008	C11	P21							6.880
12	590550	Nguyễn Minh Trí	07/11/2008	C9	P21							6.867
13	590062	Phùng Thị Nguyệt Anh	08/07/2008	C12	P21							6.847
14	590420	Trần Yến Nhi	08/07/2008	C11	P21							6.807
15	590398	Nông Như Ngọc	02/11/2008	C11	P21							6.803
16	590112	Đặng Bá Minh Dũng	11/05/2008	C12	P21							6.800
17	590362	Đào Thị Trà My	02/11/2008	C10	P21							6.788
18	590232	Nguyễn Ngọc Huyền	15/09/2008	C12	P21							6.787
19	590484	Bùi Thị Tâm	14/06/2008	C9	P21							6.783
20	590478	Ngô Tú Quỳnh	27/02/2008	C9	P21							6.777
21	590288	Lương Thùy Linh	01/08/2008	C10	P21							6.773
22	590371	Đặng Khánh Nam	18/08/2008	C11	P21							6.758
23	590375	Phùng Nhật Nam	13/03/2008	C12	P21							6.745
24	590260	Trần Đăng Khoa	05/11/2008	C12	P21							6.737

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi p	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590197	Trần Trung Hiếu	24/07/2008	C9	P22							6.725
2	590424	Phạm Hồng Nhung	02/02/2008	C9	P22							6.722
3	590285	Lê Hà Linh	05/06/2008	C9	P22							6.720
4	590233	Nguyễn Thị Khánh Huyền	31/01/2008	C10	P22							6.715
5	590442	Đỗ Thị Thu Phương	21/10/2008	C9	P22							6.713
6	590548	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	30/07/2008	C9	P22							6.693
7	590408	Lê Thị Nguyệt	20/10/2008	C9	P22							6.688
8	590273	Bùi Hải Lâm	25/04/2008	C12	P22							6.662
9	590547	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	12/07/2008	C11	P22							6.618
10	590058	Phan Ngọc Anh	07/10/2007	C10	P22							6.608
11	590057	Phan Minh Anh	07/10/2007	C10	P22							6.593
12	590269	Vũ Anh Kiệt	24/08/2008	C11	P22							6.590
13	590364	Nguyễn Thị Trà My	05/03/2008	C10	P22							6.580
14	590282	Dương Hà Linh	29/05/2008	C10	P22							6.555
15	590390	Lê Nguyễn Hoài Ngọc	10/11/2008	C13	P22							6.522
16	590296	Nguyễn Phương Linh	02/01/2008	C9	P22							6.520
17	590101	Nguyễn Thành Công	30/06/2008	C11	P22							6.515
18	590429	Nguyễn Thị Quỳnh Như	23/12/2008	C10	P22							6.512
19	590243	Phạm Mai Hương	20/06/2008	C10	P22							6.498
20	590521	Phạm Hồng Thùy	22/03/2008	C11	P22							6.487
21	590343	Lê Công Minh	05/04/2008	C11	P22							6.467
22	590202	Đỗ Phương Hoa	05/09/2008	C11	P22							6.463
23	590526	Bùi Văn Tiến	06/01/2008	C11	P22							6.458
24	590361	Bùi Thị Diệu My	23/01/2008	C10	P22							6.455
25	590139	Bùi Văn Đạt	06/01/2008	C11	P22							6.453

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....



Vũ Văn Đạt

KỶ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi p	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590394	Nguyễn Như Ngọc	03/07/2008	C10	P23							6.453
2	590093	Tăng Bảo Chi	08/08/2008	C10	P23							6.412
3	590126	Phùng Thị Mỹ Duyên	09/06/2008	C11	P23							6.405
4	590477	Ngô Thị Diễm Quỳnh	19/10/2008	C9	P23							6.393
5	590292	Nguyễn Khánh Linh	13/10/2008	C13	P23							6.387
6	590129	Hoàng Thuý Dương	29/06/2008	C9	P23							6.338
7	590130	Lê Ánh Dương	03/12/2008	C10	P23							6.338
8	590204	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	24/04/2008	C9	P23							6.333
9	590154	Nguyễn Hương Giang	29/06/2008	C12	P23							6.288
10	590072	Vương Thị Ánh	21/01/2008	C9	P23							6.278
11	590332	Nguyễn Thị Phương Mai	11/08/2008	C10	P23							6.247
12	590056	Phạm Thị Lan Anh	13/11/2008	C11	P23							6.212
13	590203	Lê Diệu Hoa	01/02/2008	C9	P23							6.212
14	590022	Hoàng Phương Anh	19/09/2008	C10	P23							6.205
15	590323	Vũ Thị Mai Ly	16/05/2008	C9	P23							6.192
16	590583	Vũ Hồng Hà Vy	31/07/2008	C10	P23							6.180
17	590113	Đồng Tiến Dũng	29/08/2008	C9	P23							6.175
18	590038	Nguyễn Thị Kiều Anh	26/11/2008	C9	P23							6.070
19	590344	Lương Đăng Văn Minh	01/02/2008	C11	P23							6.030
20	590487	Bùi Thành Tân	04/05/2008	C9	P23							5.970
21	590493	Bùi Phương Thảo	13/09/2008	C9	P23							5.958
22	590176	Bùi Minh Hằng	22/12/2008	C11	P23							5.930
23	590496	Nguyễn Phương Thảo	03/03/2008	C9	P23							5.928
24	590163	Ngô Việt Hà	25/09/2008	C11	P23							5.900
25	590494	Mai Thị Phương Thảo	01/10/2008	C11	P23							5.867

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023



KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	590264	Nguyễn Đức Kiên	17/06/2008	C9	P24							5.848
2	590214	Dương Thị Hồng	25/05/2007	C11	P24							5.822
3	590306	Thạch Thùy Linh	15/01/2008	C10	P24							5.817
4	590395	Nguyễn Thị Ngọc	10/10/2008	C11	P24							5.790
5	590023	Hoàng Tâm Anh	23/05/2008	C12	P24							5.768
6	590582	Phạm Hà Vy	08/01/2008	C11	P24							5.753
7	590564	Hà Đức Tùng	21/04/2008	C11	P24							5.713
8	590472	Vũ Mạnh Quân	22/12/2008	C9	P24							5.683
9	590538	Nguyễn Thị Mai Trang	14/11/2008	C10	P24							5.658
10	590041	Nguyễn Thị Lan Anh	26/11/2008	C9	P24							5.633
11	590070	Vũ Ngọc Ánh	12/04/2008	C10	P24							5.628
12	590454	Nguyễn Yến Phương	26/12/2008	C10	P24							5.565
13	590155	Bùi Phương Hà	18/02/2008	C10	P24							5.517
14	590307	Vũ Phương Linh	20/09/2008	C13	P24							5.477
15	590091	Nguyễn Quỳnh Chi	30/11/2008	C11	P24							5.458
16	590071	Vũ Ngọc Ánh	30/09/2008	C11	P24							5.358
17	590025	Lê Tuấn Anh	10/08/2008	C11	P24							5.297
18	590529	Trịnh Việt Tiến	07/10/2008	C13	P24							5.102
19	590228	Nguyễn Quang Huy	23/03/2008	C11	P24							5.075
20	590236	Vũ Hà Huyền	24/04/2008	C10	P24							5.047
21	590010	Bùi Thị Mai Anh	05/08/2008	C11	P24							4.928
22	590411	Bùi Ngọc Nhi	27/05/2008	C9	P24							4.833
23	590253	Mai Quốc Khánh	02/09/2008	C9	P24							4.745
24	590229	Phan Văn Huy	01/11/2008	C9	P24							3.572
25	590221	Vũ Huy Hùng	01/04/2008	C9	P24							2.877

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023



KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt